



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN
SUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN HỌC SINH – Q. LONG BIÊN
BỮA CHÍNH VÀ BỮA PHỤ TRƯỞNG TIỂU HỌC LONG BIÊN
Tuần 31 – Năm học 2024 – 2025
(Từ ngày 21/04/2025 đến 26/04/2025)

TT	Thứ 2 (21/04)	Thứ 3 (22/04)	Thứ 4 (23/04)	Thứ 5 (24/04)	Thứ 6 (25/04)	Thứ 7 (26/04) <i>HS học bù</i>
1	Thịt bò hầm khoai tây, cà rốt	Cá rô file chiên giòn	Thịt lợn viên sốt cà chua	Thịt gà om nấm	Cơm rang thập cầm	Chả cốm làng Vòng chiên chấm sốt
2	Lạc tằm gia vị	Thịt gà xào thập cầm	Dưa hấu	Đậu rán tằm hành		Trứng kho dầu hào
3	Cải bắp xào hành	Rau muống xào		Khoai tây xào	Xúc xích chiên	Su su, cà rốt xào
4	Canh củ quả hầm xương	Canh chua dầm me	Canh xương nấu chua	Canh bí xanh hầm xương	Canh thịt nấu chua thả giá	Canh mùng toi nấu tôm nõn
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Bún tươi	Cơm trắng		Cơm trắng
6	Chuối Tuấn Việt	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh mì bơ ruốc Hải Châu	Sữa chua Vinamilk	Kem Caramen Hoa Sữa	Bánh Cosy Kinh Đô

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG


TRƯỜNG
TIỂU HỌC
LONG BIÊN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Ngọc Hà

ĐẠI DIỆN CÔNG TY HOA SỮA


CÔNG TY
TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN
SUẤT ĂN
HOA SỮA
Q. HÀ ĐÔNG - T. PHẠM NỘ
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN SUẤT ĂN HOA SỮA

ĐỊNH LƯỢNG KCAL SUẤT ĂN BÁN TRÚ TRƯỜNG TH LONG BIÊN NĂM HỌC 2024 - 2025

Suất ăn 32.000đ trên một suất ăn đã bao gồm VAT và quà chiều

Thực đơn tuần 31 (từ ngày 21/04/2025 đến 26/04/2025)

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Kcal
Thứ 2 (21/04)	Thịt bò hầm khoai tây, cà rốt	Thịt bò	gram	42	250,000	137.0
		Khoai tây, cà rốt	gram	45	30,000	
	Lạc tằm gia vị	Lạc trắng	gram	28	80,000	110.0
	Cải bắp xào hành	Cải bắp	gram	70	25,000	13.0
	Canh củ quả hầm xương	Xương lợn	gram	8	80,000	15.0
		Khoai tây, cà rốt	gram	30	30,000	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	412.0
	Chuối Tuấn Việt	Chuối Tuấn Việt	quả	1	2,500	70.0
Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						
Cộng thứ 2						757.0
Thứ 3 (22/04)	Cá rô file chiên giòn	Cá rô file	gram	55	150,000	75.0
	Thịt gà xào thập cẩm	Thịt gà file	gram	15	100,000	96.0
		Ngô ngọt	gram	15	80,000	
		Đỗ cove, cà rốt	gram	30	30,000	
	Rau muống xào	Rau muống	gram	70	25,000	16.0
	Canh chua dầm me	Me	gram	5	50,000	5.0
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	412.0
	Bánh gato ruốc Hoa Sữa	Bánh gato ruốc Hoa Sữa	bánh	1	5,000	110.0
Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						
Cộng thứ 3						714.0
Thứ 4 (23/04)	Thịt lợn viên sốt cà chua	Thịt lợn	gram	35	159,000	133.0
		Mỡ lợn	gram	10	75,000	
		Mộc	gram	30	150,000	
		Cà chua	gram	15	30,000	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	70	35,000	70.0
	Canh xương nấu chua	Xương lợn	gram	7	80,000	15.0
		Me	gram	5	50,000	
		Xương gà	gram	7	50,000	
	Bún tươi	Bún	gram	220	20,000	412.0
	Bánh mì bơ ruốc	Bánh mì bơ ruốc	bánh	1	5,000	80.0
Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						
Cộng thứ 4						710.0

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Kcal
Thứ 5 (24/04)	Thịt gà file om nấm	Thịt gà file	gram	80	100,000	143.0
	Đậu rán tẩm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	55.0
	Khoai tây xào	Khoai tây	gram	65	30,000	18.0
	Canh bí xanh hầm xương	Bí xanh	gram	30	25,000	15.0
		Xương gà	gram	10	50,000	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	412.0
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	110.0
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					
	Cộng thứ 5					753.0
Thứ 6 (25/04)	Cơm rang thập cẩm	Gạo tẻ	gram	140	21,000	700.0
		Thịt lợn	gram	13	159,000	
		Chả nạc	gram	15	145,000	
		Ngô ngọt	gram	15	80,000	
		Đỗ cove, cà rốt	gram	30	30,000	
		Trứng gà	gram	10	60,000	
	Xúc xích chiên	Xúc xích	cái	1	8,000	80.0
	Canh thịt nấu chua thả giá	Thịt lợn	gram	2	159,000	13.00
		Cà chua	gram	8	30,000	
		Me	gram	5	50,000	
		Giá đỗ	gam	10	30,000	
	Kem Caramen Hoa Sữa	Kem Caramen Hoa Sữa	bánh	1	5,000	110.0
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					
	Cộng thứ 6					903.0
Thứ 7 (26/04)	Chả cốm làng Vòng chiên chấm sốt	Chả cốm	gram	55	180,000	110.0
		Sốt tương cà	gram	10	80,000	-
	Trứng kho dầu hào	Trứng gà bóc	quả	1	3,500	75.0
	Su su, cà rốt xào	Su su, cà rốt	gram	70	25,000	15.0
	Canh mùng toi nấu tôm nõn	Mùng toi	gram	25	25,000	12.0
		Tôm nõn khô	gram	0.5	600,000	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	412.0
	Bánh Cosy Kinh Đô	Bánh Cosy Kinh Đô	bánh	1	4,000	70.0
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					
	Cộng thứ 7					694.0